TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-PT
Ngày 05-3-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:* Ông Trương Thái Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 02 năm 2019 và ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 234/2018/TLPT–DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1966; Địa chỉ: xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt.)

2. Bị đơn: Ông Võ Văn Q, sinh năm 1964; Bà Trương Thị B, sinh năm 1966; Địa chỉ: khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đinh Thái H– Luật sư của Công ty luật M - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B vay tiền của bà rất nhiều lần. Các lần vay đều có viết giấy, bản chính do bà giữ. Bà không nhớ rõ cụ thể thời gian vay tiền, ông Q, bà B vay của bà 150.000.000 đồng. Vay 03 lần, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Ông Q, bà B trả được 6.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng. Do quen thân nên bà cho ông Q bà B tham gia 01 phần dây hụi 10.000.000 đồng/tháng hốt trả nợ cho bà. Dây hụi gồm 24 phần, mở ngày 06-7-2014 (DL), kết thúc ngày 06-7-2016 (DL). Ông Q, bà B hốt hụi kỳ đầu được 167.500.000 đồng, trả cho bà 150.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, còn lại 7.500.000 đồng bà giao cho bà B nhưng bà B đề nghị bà giữ lại để góp hụi kỳ sau. Khi hốt hụi, bà B viết giấy hốt hụi có chữ ký của ông Q. Tháng 8-2014 bà B giao thêm 2.500.000 đồng góp hụi kỳ 02. Từ kỳ thứ 3 đến khi kết thúc hụi, ông Q bà B không góp hụi cho bà; bà phải góp thay cho ông Q và bà B, tổng cộng 22 kỳ, mỗi kỳ 10.000.000 đồng. Như vậy ông Q bà B nợ bà 220.000.000 đồng. Do đó bà yêu cầu ông Q bà B trả cho bà 220.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 07-7-2016 (DL) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Trương Thị B trình bày:

Khoảng tháng 7-2009, bà vay bà D 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, giấy nợ lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản. Từ tháng 7-2009 cho đến tháng 11-2009, bà đã trả 12.500.000 đồng. Tháng 12-2009 bà D yêu cầu tính lãi 7%/tháng; từ tháng 12-2009 đến tháng 12-2011 bà đã trả cho bà D 84.000.000 đồng. Đầu năm 2012 bà D yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi là 85.000.000 đồng nhưng bà chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng tiền gốc.

Đến ngày 07-7-2014 (DL) bà D đến nhà yêu cầu bà trả tiền gốc và lãi từ năm 2012 đến năm 2014 với số tiền là 220.000.000 đồng và yêu cầu bà ghi giấy hốt hụi dây hụi 10.000.000 đồng/tháng gồm 24 phần. Nếu không làm theo lời bà D thì bà D sẽ đến cơ quan ông Q thưa kiện. Bà sợ ông Q mất uy tín nên ghi nội D giấy hốt hụi theo yêu cầu của bà D, ông Q ký tên. Từ tháng 8-2014 bà góp 05 lần hụi cho bà D tổng cộng 50.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã trả cho bà D được 96.500.000 đồng tiền lãi và đã trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Ông Võ Văn Q trình bày: Bà B có vay bà D 50.000.000 đồng để trang trải chi phí học hành cho con. Bà B trực tiếp giao dịch với bà D nên ông không nắm rõ. Nội D giấy hốt hụi ngày 07-7-2014 (DL) do bà B viết, ông có đọc và ký tên do tin tưởng bà B. Ông thống nhất với lời trình bày của bà B, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại bản án sơ thẩm số 111/2018/DS -ST ngày 19-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 292, 479 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 17, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Buộc ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D 220.000.000 đồng tiền gốc, 45.210.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 265.210.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 31-10-2018, ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B: Xem xét gải quyết vụ án, đánh giá chứng cứ khách quan toàn diện, xem xét lại những vấn đề mâu thuẫn trong vụ án, xác minh sự thật có dây hụi như bà D trình bày hay không.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q cho rằng dây hụi 10.000.000 đồng/tháng bà D nại ra là không có thật. Bởi lẽ, khi mở hụi bà D không có sổ theo dõi, danh sách hụi không ghi rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của hụi viên; ông bà cũng không đến nhà bà D khui hụi, những hụi viên trong danh sách hụi cũng không biết ông bà là ai.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q bà B trình bày: Thứ nhất: Bà D trình bày dây hụi có 24 phần không có ai trùng tên nhưng tên Gấm được viết 02 lần;Thứ hai: Những người làm chứng, ngày đầu tiên tất cả các hụi viên đều có mặt trừ bà Hà thì tất cả mọi người đều không biết bà B là ai; Thứ ba: Kỳ hụi thứ 11 có 02 người cùng hốt hụi, bà D cũng thừa nhận không có việc cho 02 người cùng hốt hụi; Thứ tư: Việc ghi giấy hốt hụi không thể hiện còn dư để lại cấn trừ cho kỳ hụi thứ 02 và cũng không ghi còn dư bao nhiêu. Danh sách hụi tên Huê là tên Huệ nhưng đó là trình bày của đương sự. Không chứng minh được dây hụi mở ngày 06-7-2014 là có thật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để xác minh có dây hụi không.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Q và bà B. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà B xác nhận bà viết tờ giấy mượn khoản tiền 100.000.000 đồng đề ngày 08-8-2013, nhưng bà cho rằng khoản tiền trong tờ giấy này là tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng bà vay năm 2009. Trong khi đó, bà B xuất trình tài liệu do bà D viết cho bà giữ, nội D bà B vay của bà D 100.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng tiền đứng (trả lãi hàng tháng) và 50.000.000 đồng tiền góp. Bà B trình bày nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh.

Xét tờ "Giấy hốt hụi đề ngày 07-7-2014" thấy rằng, toàn bộ nội dung do bà B viết, bà B ông Q ký tên. Ông bà cho rằng dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 06-7-2014 DL do bà D nại ra là không có thật. Chứng cứ trong hồ sơ được thu thập tại Tòa án sơ thẩm và cấp phúc thẩm thể hiện, những hụi viên trong danh sách hụi xác nhận có tham gia dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 06-7-2014 do bà D làm chủ thảo; nhưng những hụi viên đều không nhớ trong dây hụi có những ai vì thời gian kết thúc hụi đã lâu. Những hụi viên trình bày việc bà D giao tiền hụi cho hụi viên khi hốt hụi phù hợp với cách thức giao tiền hụi và viết giấy hốt hụi giữa bà D và bà B ông Q. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà B ông Q có tham gia dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 06-7-2014 và đã hốt hụi, buộc ông Q và bà B trả 220.000.000 đồng tiền gốc, 45.210.000 đồng tiền lãi là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bà B và ông Q cho rằng bị bà D đe dọa ép buộc viết giấy hụi nhưng không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày, kháng cáo của ông bà không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: kháng cáo của ông Q, bà B không được chấp nhận nên ông Q, bà B phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 111/2018/DS -ST ngày 19-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 292, 479 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 17, 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ hụi, biêu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Buộc ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D 220.000.000 đồng tiền gốc và 45.210.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 265.210.000 (*Hai trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm mười nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị B, ông Võ Văn Q phải chịu 13.260.500 (Mười ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị D 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005502 ngày 22-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn Q, bà Trương Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q bà B đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006155 ngày 02-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông bà đã nộp xong khoản tiền này.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.